

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 358/2023/DS-PT
Ngày 31-10-2023
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những
Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên. Trong các ngày 25 và 31 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2023/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 676/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số C, ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện ủy quyền của ông B: Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số C, Khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (theo giấy ủy quyền ngày 31/3/2023).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số D ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2023 của nguyên đơn và cùng những lời trình bày của người đại diện ủy quyền như sau:

Vào ngày 05/4/2022, bà L và ông D có vay của ông B số tiền 395.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 20%/năm, thời hạn vay 01 năm, ông B viết giấy mượn tiền, bà L và ông D ký tên là người vay, mục đích vay tiền để xây nhà ở. Đến hạn thanh toán ông D, bà L không trả vốn vay và lãi mặc dù ông B có liên lạc đòi nợ nhiều lần. Nay ông B yêu cầu ông D, bà L phải liên đới trả cho ông B số tiền vốn vay là 395.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 05/4/2022 đến ngày 05/4/2023 là 12 tháng, mức lãi suất 20%/năm, với số tiền lãi là 395.000.000 đồng x 20%/năm x 01 năm = 79.000.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi là 474.000.000 đồng. Nhưng ông D, bà L ba lần trả tiền lãi là 13.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu ông D, bà L trả số tiền còn là 461.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Hoàng D có lời trình bày như sau: Ông có vay của ông B số tiền 395.000.000 đồng để làm ăn, bà L không có vay của ông B số tiền này nhưng bà L là người ký tên bảo lãnh cho ông D số tiền này khi ông D không thanh toán được số tiền này cho ông B. Nay ông D đồng ý trả cho ông B số tiền vốn vay 395.000.000 đồng và lãi suất là 66.000.000 đồng, tổng cộng vốn vay và lãi suất là 461.000.000 đồng, xin trả trong trong thời gian 06 tháng kể từ ngày 01/8/2023.

Bị đơn bà Lê Thị Kim L có lời trình bày: Bà xác định không có vay tiền của ông B, bà có ký tên bảo lãnh cho ông D khi vay tiền của ông B nên bà L đồng ý trong thời gian 06 tháng kể từ ngày 01/8/2023 bà L sẽ vay tiền của người thân để trả cho ông B.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2023/DS-ST ngày 01 tháng 08 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An, tỉnh Long An đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 357, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông D, bà L.

Buộc ông D, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B tiền vay và tiền lãi 461.000.000 (bốn trăm sáu mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B không phải chịu. Hoàn trả cho ông B 11.400.000 (mười một triệu bốn trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0006813 ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Ông D phải chịu 11.220.000 (mười một triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng. Miễn án phí cho bà L.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, bị đơn bà L kháng cáo một phần bản án, yêu cầu bác yêu cầu liên đới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn ông B do bà N đại diện trình bày: Không đồng ý kháng cáo của bà L. Bà L và ông D vay tiền của ông B để bà L sửa chữa nhà. Trước đây ông B và ông D có làm ăn chung nhưng đã chấm dứt, khoản tiền bà L và ông D vay là khoản khác.

Bị đơn bà L trình bày: Bà không có vay tiền của ông B, đây là việc làm ăn chung giữa ông D và ông B, khi ông D mất khả năng thanh toán thì ông D nhờ bà L ký tên với tư cách là người bảo lãnh, bà L không có vay tiền để sửa chữa nhà vì nhà của bà L đã xây hoàn tất từ lâu. Nếu không chấp nhận yêu cầu kháng cáo thì yêu cầu xem xét chia đôi số tiền nợ.

Bị đơn ông D trình bày: Năm 2018 giữa ông và ông B có làm ăn chung là cho vay tiền, tiền do ông B bỏ ra, đến năm 2020 ông nợ ông B 800.000.000 đồng và đã bán căn nhà để trả nợ, còn nợ lại 395.000.000 đồng. Để ông B kéo dài thời hạn trả nợ 5 năm nên có nhờ bà L ký vào hợp đồng vay tiền với tư cách người bảo lãnh. Xác định bà L không có vay tiền và sử dụng số tiền của ông B.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà L kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà L không đồng ý liên đới vì cho rằng không có vay tiền của ông B mà do ông D vay và mất khả năng thanh toán nên nhờ bà L ký tên vào hợp đồng vay tiền. Bà N đại diện ủy quyền cho ông B không đồng ý lời trình

bày trên; ông D thống nhất với lời trình bày của bà L. Nhận thấy, hợp đồng vay tiền ngày 05/4/2020 do ông D viết, bà L và ông D ký tên là người vay tiền. Bà L trình bày không có vay tiền và đây là nợ của ông D nhưng không có căn cứ chứng minh nên cấp sơ thẩm buộc bà L và ông D liên đới trả tiền gốc và lãi cho ông B 461.000.000 đồng là có căn cứ.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 120/2023/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà L kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn bà L về một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Ông B yêu cầu ông D và bà L liên đới trả cho ông B số tiền gốc là 395.000.000 đồng và tiền lãi 66.000.000 đồng. Chứng cứ cung cấp là hợp đồng vay vốn ngày 05 tháng 4 năm 2020 do ông D viết, ông D và bà L ký tên có nội dung “vay của ông B số tiền 395.000.000 đồng để làm ăn, lãi suất vay 20%/năm, thời hạn trả 12 tháng, đến ngày 05 tháng 4 năm 2023, hàng tháng trả lãi một lần”. Ông D thừa nhận có vay của ông B 395.000.000 đồng do hai bên làm ăn chung (cho vay tiền). Bà L không đồng ý liên đới vì không có vay tiền của ông B. Bà L thừa nhận hợp đồng vay tiền do bà ký tên nhưng không có căn cứ chứng minh bị đe dọa, ép buộc hay lừa dối; ngoài hợp đồng vay tiền ngày 5/4/2020 thì bà L còn ký tên người vay tiền tại 02 hợp đồng khác. Ông D trình bày số tiền 395.000.000 đồng là từ số nợ 800.000.000 đồng, ông D vay ông B năm 2018 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, bà N đại diện ủy quyền cho ông B không thừa nhận lời trình bày trên nên cấp sơ thẩm buộc bà L liên đới cùng ông D trả cho ông B tiền gốc và lãi là 461.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bà L không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa bà L xin chia đôi số nợ nhưng bà N không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà L.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của bà L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu nhưng bà L được miễn vì thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Kim L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2023/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn B về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Lê Hoàng D và bà Lê Thị Kim L.

1. Buộc ông Lê Hoàng D và bà Lê Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Văn B số tiền gốc và lãi là 461.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn B không phải chịu. Hoàn trả cho ông Đỗ Văn B 11.400.000 (mười một triệu bốn trăm nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006813 ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An. Ông Lê Hoàng D phải chịu 11.220.000 (mười một triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng. Bà Lê Thị Kim L được miễn án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho bà Lê Thị Kim L.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyên